TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM THÀNH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HS-ST
Ngày 27-3-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Quy và ông Ngô Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Nhuần - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2019/TLST-HS ngày 21 tháng 02 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

Bùi Duy K, sinh năm 1998; nơi sinh, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi sinh sống: Thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Duy H và bà Phạm Thị H; tiền án, tiền sự: Không; ngày 08/12/2018, bị bắt theo Quyết định truy nã số: 04 ngày 06/7/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Kim Thành; hiện bị tạm giam tại Trại tạm giam Kim Chi - Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 11/12/2018 đến nay; có mặt.

- *Bị hại:* Anh Đồng Văn L, sinh năm 2001. Người đại diện hợp pháp của bị hại: Bà Phạm Thị A, sinh năm 1973 *(là mẹ đẻ)*. Cùng nơi cư trú: Thôn H, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương. Đều vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Bùi Văn Kh *(tên gọi khác: K)*, sinh năm 1985 và chị Hoàng Thị Thu H *(là vợ anh Kh)*, sinh năm 1989; cùng nơi cư trú: Khu dân cư T, phường M,

quận Đ, thành phố Hải Phòng. Chị H ủy quyền cho anh Kh làm đại diện; đều vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Đồng Phương N, sinh năm 1968; nơi cư trú: Thôn H, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

2. Bà Bùi Thị H sinh năm 1969; nơi cư trú: Thị tứ Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

3. Anh Bùi Văn T, sinh năm 1999; nơi cư trú: Thôn P, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 45 phút ngày 28/3/2018, Bùi Duy K chơi điện tử tại quán Internet H 2 ở xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương thì anh Đồng Văn L *(là bạn mới quen của K)* đi xe máy điện nhãn hiệu VIET THAI loại XMEN đến quán chơi điện tử *(biển số xe đăng ký là 34MĐ1-xxx.xx bị rơi ra từ trước, anh L chưa lắp lại)*. Khoảng 13 giờ cùng ngày, K thanh toán tiền chơi điện tử thì thiếu tiền. K hỏi mượn xe máy điện của anh L để về lấy tiền, anh L đồng ý và đưa chìa khóa xe cho K. Sau đó, K đi xe mượn của anh L đến nhà bà của K ở thôn P, xã Đ, huyện K xin tiền nhưng không có ai ở nhà. K đi về nhà K ở thôn P, xã K, huyện K ăn cơm và nghỉ tại nhà. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, K nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe máy điện trên của anh L. K đem chiếc xe máy điện đến hiệu cầm đồ T của anh Bùi Văn Kh *(tên gọi khác: K)* ở thôn B, xã N, huyện K cầm cố chiếc xe cho anh Kh, để vay 2.000.000 đồng. Anh Kh viết giấy thể hiện K vay của chị H *(là vợ anh Kh)* 2.000.000 đồng. K nói với anh Kh đó là xe của K, giấy đăng ký xe mẹ của K đang cầm. Sau đó, K đi xe buýt đến quán điện tử ở thị trấn P, huyện K chơi điện tử. Khoảng 18 giờ cùng ngày, anh Lnhắn tin yêu cầu K trả xe, K không trả lời rồi đi xe khách đến tỉnh Quảng Ninh chơi và ăn tiêu hết số tiền trên. Ngày 05/4/2018, K đi xe khách về quán Internet ở thị trấn P, huyện K chơi điện tử. Tại đây, anh L tìm gặp và yêu cầu K trả xe. K nói với anh L việc K đã đem chiếc xe của anh L đi cầm đồ. Cùng ngày, anh L đến Công an huyện Kim Thành trình báo sự việc. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kim Thành triệu tập K đến công an huyện Kim Thành làm việc, K đã khai nhận hành vi như nêu trên. Sau đó, do không có tiền chuộc xe trả anh L, K đã bỏ trốn khỏi địa phương.

Tại bản kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Kim Thành ngày 07/5/2018 kết luận: Chiếc xe máy điện nhãn hiệu VIET THAI loại XMEN, biển số đăng ký 34MĐ1-xxx.xx trị giá 10.736.000 đồng.

Ngày 05/4/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Kim Thành quản lý 01 chiếc biển số xe 34MĐ1-xxx.xx; giấy đăng ký xe máy điện biển số 34MĐ1-xxx.xx; 01 sổ bảo hành của xe do anh Đồng Văn L giao nộp và ngày 07/4/2018, quản lý chiếc xe máy điện nhãn hiệu VIET THAI loại XMEN do anh Bùi Văn Kh giao nộp. Ngày 08/5/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kim Thành đã trả lại chiếc xe máy điện cùng chiếc biển số, giấy đăng ký xe và sổ bảo hành cho anh L. Anh L không yêu cầu K phải bồi thường thiệt hại. Anh Kh và chị H yêu cầu K phải hoàn trả số tiền 2.000.000 đồng đã đưa cho K khi nhận cầm xe.

Quá trình điều tra, Bùi Duy K đã khai nhận rõ hành vi như nêu trên.

Tại bản cáo trạng số: 06/CT-VKSKT ngày 19/02/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Bùi Duy K về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Tuyên bố bị cáo Bùi Duy K phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 175, điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Bùi Duy K từ 09 tháng đến 12 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bị bắt 08/12/2018. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 30 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 582 của Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo K có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Kh chị H số tiền 2.000.000 đồng. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật Phí và Lệ phí; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Buộc bị cáo Bùi Duy K phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự.

Bị cáo Bùi Duy K khai nhận hành vi của mình như nêu trên và đề nghị Tòa án giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Bùi Duy K tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ được và phù hợp với các tài liệu khác có tại hồ sơ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ ngày 28/3/2018, tại xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương, sau khi mượn chiếc xe máy điện nhãn hiệu VIET THAI loại XMEN trị giá 10.736.000 đồng của anh Đồng Văn L tại quán internet Hùng Trang để đi về lấy tiền. Bùi Duy K đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản, bị cáo đem chiếc xe trên đi cầm cố lấy tiền ăn tiêu, rồi bỏ trốn. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Bùi Duy K phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo về tội phạm trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, làm mất trật tự trị an xã hội. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi cố ý đã gây ra và phải chịu một hình phạt theo quy định của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện, có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có công việc, thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã chiếm đoạt của anh Lợi 1 xe máy điện, anh L đã nhận lại xe, không yêu cầu về việc bồi thường nên Toà án không đặt ra việc giải quyết. Đối với số tiền 2.000.000 đồng, bị cáo có được do cắm xe cho anh Kh; anh Kh và chị H yêu cầu bị cáo phải trả lại. Toà án chấp nhận yêu cầu của anh Kh và chị H, buộc bị cáo có trách nhiệm hoàn trả số tiền 2.000.000 đồng.

[7] Về các biện pháp tư pháp: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra quản lý 01 chiếc xe máy điện; biển số xe, giấy đăng ký xe và sổ bảo hành xe. Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh L nên Tòa án không xét.

[8] Trong vụ án này, anh Bùi Văn Kh khi nhận cầm cố chiếc xe máy điện do bị cáo K đem đến, anh Kh không biết đó là tài sản do phạm tội mà có. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Kim Thành không đặt ra việc xử lý đối với anh Kh là phù hợp.

[9] Về án phí: Bị cáo bị kết luận phạm tội và phải bồi hoàn, nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 175, điểm i và s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 166, Điều 357, Điều 579 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Tuyên bố bị cáo Bùi Duy K phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

2. Xử phạt bị cáo Bùi Duy K 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt 08/12/2018.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Bùi Duy K có nghĩa vụ hoàn trả anh Bùi Văn Kh và chị Hoàng Thị Thu H số tiền 2.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Bùi Duy K phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án sơ thẩm; người bị hại có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Trại tạm giam Kim Chi - Công an tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, hồ sơ thi hành án hình sự, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Sơn